

TÁC PHẨM SỬ HỌC XUÂN THU VÀ XUÂN THU TAM TRUYỆN

Thời cổ ở Trung Quốc, sách sử được gọi một cách thông dụng là “Xuân thu”. Theo *Mạnh Tử - thiên Ly lâu*, thời đó, nước Tấn gọi sách sử là “Thừa”, nước Sở gọi là “Đào ngọt”, nước Lỗ gọi là “Xuân thu”. Nhưng trên thực tế, đương thời gọi sách sử là “Xuân thu” hoàn toàn không chỉ có ở nước Lỗ. Trong sách *Cấp trung tảo ngữ* do Hồng Di Huyền thời Thanh biên soạn thấy nhắc đến cuốn *Hạ Ân xuân thu*, ghi chép lịch sử thời Thái Đinh triều Thương; còn trong *Mặc Tử - thiên Minh quý* cũng đã dẫn ra một số tác phẩm sử học lưu truyền đương thời, như *Chu Xuân thu*, *Yên Xuân thu*, *Tổng Xuân thu*. Theo sách *Hán thư - Nghệ văn chí*, thì: “Các đời đế vương xưa, đời nào cũng có sử quan, việc làm của đế vương tất phải được ghi chép. Tả sử ghi lời nói, Hữu sử ghi việc làm. Ghi việc là Xuân thu, ghi lời là Thượng thư”. Từ những điều trên, chứng tỏ “Xuân thu” vốn là tên gọi thông dụng của sách sử thời xưa.

Tác phẩm *Xuân thu*, tương truyền là do Khổng Tử căn cứ vào sách sử nước Lỗ, rồi sửa chữa, chỉnh lý lại mà thành. Đây là bộ biên niên sử hoàn chỉnh đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc, toàn văn ghi chép lịch sử 241 năm, từ Lỗ Ân Công nguyên niên (năm 722 trước CN) đến Lỗ Ai Công năm thứ 14 (năm 481 trước CN). Theo Từ Nhan trong tác phẩm *Công dương truyện sơ* (Chú thích truyện Công dương), khi Khổng Tử biên soạn *Xuân thu*, ông từng sai Tử Hạ đi sưu tầm điển tịch ở các nước thời đó, “Được sách quý của 120 nước”. Tác phẩm *Xuân thu* tuy được viết theo thể biên niên, với thứ tự là 12 vị đế vương nước Lỗ, nhưng thực tế, có rất nhiều ghi chép về tình hình các nước đương thời. Ngày nay, khi tìm hiểu lịch sử thời kỳ này, *Xuân thu* là tác phẩm không thể thiếu của mọi nhà nghiên cứu. Hậu thế mệnh danh thời kỳ lịch sử này là “Xuân thu”, đủ thấy vị trí quan trọng, độc nhất vô nhị của nó trong ngành sử học cổ đại Trung Quốc.

Khổng Tử là nhà sử học đầu tiên ở Trung Quốc thời cổ, cũng là nhà tư tưởng, nhà hoạt động chính trị và nhà giáo dục nổi tiếng cuối thời Xuân thu. Viết *Xuân thu*, Khổng Tử xuất phát từ hai động cơ chủ yếu: một là giám định lại những thư tịch rời rạc, tản mạn, và những tài liệu không rõ nguồn gốc. Trước Khổng Tử, Trung Quốc không có sách sử do cá nhân biên soạn, vì sử liệu và điển tịch đều

được tàng trữ ở phủ quan, hoàn toàn không lưu truyền trong dân gian. Nước còn thì văn hiến còn, nước mất thì văn hiến mất. Từ những trang sách rách nát thiếu trang còn lại đến nay, có thể thấy, cái gọi là sách sử thời đó phần lớn đều “giản lược, không có thứ tự năm tháng”, hơn nữa lại “tản mạn, không tuân theo một thể lệ chung nhất định”; *hai là* Khổng Tử từng chu du các nước tuyên truyền chủ trương chính trị của mình, nhưng không được chấp nhận. Cuối đời ông trở về nước Lỗ, chuyên chú vào sự nghiệp giáo dục, đồng thời chỉnh lý điển tịch cổ đại. Vì thế, *Xuân thu* của Khổng Tử không giống với những truyện sử trước đó, “chỉ quý ở việc ghi chép rộng mà thôi”. Cụ thể là qua *Xuân thu*, Khổng Tử đã bày tỏ thái độ khen – chê đối với nhiều nhân vật, sự kiện lịch sử; đồng thời có những đánh giá về hiện thực xã hội; qua đó, gửi gắm lý tưởng chính trị của mình. Trong *Sử ký tự tựa*, Tư Mã Thiên đã dẫn lời Khổng Tử: “Lấy lời nói suông để chép về đạo thì chẳng bằng chứng minh ở việc làm thì càng sâu sắc, rõ ràng hơn”. Khổng Tử cũng từng nói: “Người ta biết tôi là qua *Xuân thu*, người ta kết tội tôi cũng chỉ qua *Xuân thu* mà thôi!” Có thể thấy, Khổng Tử đã coi *Xuân thu* là trước tác tiêu biểu cho nổi niềm vinh nhục trong suốt đời mình.

Đặc điểm chủ yếu nhất của *Xuân thu* là sự kết hợp giữa việc nghiên cứu lịch sử với hiện thực chính trị đương thời, biểu hiện ở sự kỹ càng, tỷ mỉ đối với hiện thực mà sơ lược với quá khứ (Tuồng kim lược cổ) trên phương diện sử dụng hoặc loại bỏ sử liệu; cũng biểu hiện ở việc chú trọng nghiên cứu lịch sử đương đại. Về khuynh hướng tư tưởng mà nói, Khổng Tử là một đại sư tín cổ hiếu cổ, nhưng khi viết *Xuân thu*, ông lại là một nhà sử học “trọng nay hơn xưa” (hậu kim bạc cổ). Thông qua việc ghi chép sự thực lịch sử, *Xuân thu* đề cao việc lấy lễ nghĩa làm kỷ cương, chủ trương bắt chước tiên vương, ngợi ca đức tính hành động vì con người, đồng thời xác lập tiêu chuẩn đúng – sai, thiện – ác của người đời. Chính do đặc điểm ghi việc theo phương pháp ngụ ý này mà có người cho rằng: Lấy tên “*Xuân thu*” là do Khổng Tử xuất phát từ hai mệnh đề “Thường theo mùa xuân mùa hạ, phạt theo mùa thu mùa đông” (Thường dĩ xuân hạ, hình dĩ thu đông); mỗi người mỗi việc được ghi đều có hàm ý khen hoặc chê, hình thành nên “Bút pháp *Xuân thu*”. Đặc điểm trên của *Xuân thu* đã ảnh hưởng sâu sắc đến các nhà sử học nhiều thế hệ sau này. Kể từ sau *Xuân thu*, khi *Tả thị truyện* viết truyện cho *Xuân thu*, thì trong mỗi câu chuyện lịch sử đều có bài luận; hai truyện *Công dương* và *Cốc*

luong thì chuyên lấy việc giải thích “Lời sâu nghĩa lớn” (Vi ngôn đại nghĩa) trong *Kinh Xuân thu* làm tôn chỉ. Tiếp đó, kể từ sau Tư Mã Thiên thời Hán, trong các bộ chính sử được biên soạn qua các đời, ở cuối mỗi thiên đều có phụ thêm phần luận, tán, tựa, bình, chú, thuật, khảo... để rồi dần dần hình thành truyền thống kết hợp giữa sử với luận trong sử học cổ đại Trung Quốc. *Xuân thu* sử dụng khối tài liệu lớn, nhưng được lựa chọn nghiêm cẩn, lời nói đều có chứng lý, tuyệt đối không nói suông. Khổng Tử là nhà bác học; nước Lỗ nơi ông sống lại là một trong những trung tâm văn hóa, chính trị thời Tây Chu, nên số lượng văn vật, điển tịch ông biết đến rất nhiều. Khi viết sử, ông chú trọng căn cứ văn hiến; Nếu văn hiến không đủ, ông thà chịu thiếu chứ không ham nhiều mà viết suông, không có chứng lý rõ ràng. Khổng Tử chủ trương “Biết thì bảo là biết, không biết thì bảo là không biết” (Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri), phản đối việc “Không biết cũng làm” (Bất tri nhi tác). Trong *Xuân thu*, ngoài những ghi chép về tình hình chính trị - kinh tế - quân sự đương thời, còn có những đoạn đan xen về khoa học tự nhiên. Ví như những ghi chép về sao chổi có tích chuẩn xác rất cao; hoặc những ghi chép về 37 lần nhật thực quan sát thấy ở nước Lỗ, có tới 36 lần là chính xác. Những ghi chép trên lĩnh vực này đã cung cấp nhiều tài liệu tham khảo giá trị cho việc nghiên cứu lịch sử khoa học kỹ thuật thời cổ ở Trung Quốc, đồng thời cũng chứng thực tính đáng tin cậy trên phương diện tuyển chọn sử liệu của *Xuân thu*.

Niên đại được đề cập trong *Xuân thu* tương đối sớm, văn chương lại rất tóm tắt, biểu hiện đặc điểm chung của sách sử thời kỳ đầu. Truyền đến hậu thế, phần lớn người đọc không dễ hiểu, vì thế, nhiều người nối tiếp nhau viết “Truyện” cho nó, mà sớm nhất là một số học trò của Khổng Tử. Khổng Tử là nhà giáo dục lớn thời Xuân thu, trước tác *Xuân thu* lại là một trong những giáo trình ông dùng để giảng dạy học trò. Vì có sự khác biệt trong cách hiểu của mỗi người, hơn nữa việc giảng dạy thời cổ chỉ là truyền miệng, nên phần “truyện” sau vài đời được sao chép đã có những chỗ khác nhau rất lớn. Theo *Hán thư - Nghệ văn chí*, viết “Truyện” cho *Xuân thu* có 5 nhà chủ yếu: Tả thị, Công Dương, Cốc Lương, Trâu thị, Giáp thị - nhưng đến nay, chỉ còn truyện của 3 nhà Tả thị, Công Dương và Cốc Lương.

Xuân thu và 3 truyện kể truyện vốn là những văn bản độc lập, sau đó *Xuân thu* lần lượt được chép gộp vào với *Tả truyện*, *Công dương truyện*, *Cốc lương truyện*, và được xếp ở trước mỗi đoạn truyện văn. Trước tác *Xuân thu* chúng ta được đọc ngày nay chỉ là bộ phận “Kinh văn” trong 3 truyện, vì nguyên bản *Kinh Xuân thu* đã thất lạc. *Xuân thu tam truyện* lại được phân biệt thành kim, cổ văn. *Tả thị truyện* thuộc cổ văn; *Công Dương truyện* và *Cốc Lương truyện* thuộc kim văn.

Tả thị truyện, còn gọi là *Tả thị Xuân thu* hoặc *Tả truyện*, tương truyền do sử quan nước Lỗ là Tả Khâu Minh trước tác. Họ Tả vốn am hiểu sử liệu, nên khi viết truyện văn ông đã thuật lại tỉ mỉ sự thực lịch sử được ghi chép trong *Kinh Xuân thu*, đồng thời đính chính và bổ sung nhiều chỗ trong kinh văn, nên có thể coi *Tả truyện* là một tác phẩm sử học tương đối độc lập. Toàn bộ *Tả truyện* ghi người thuật chuyện, văn phong lưu loát, ngôn ngữ sinh động, nên còn có thể được thưởng thức như một tác phẩm văn học, xứng đáng là tác phẩm tiêu biểu của thể tản văn tự sự thời Tiên Tần.

Công Dương truyện tương truyền do Công Dương Cao người nước Tề cuối thời Xuân thu truyền lại cho con cháu. Trải qua 5 đời, đến thời Hán Cảnh đế, thì Công Dương Thọ hợp tác cùng Hồ Vô Tử, viết xong tác phẩm này. *Cốc Lương truyện* thì do Cốc Lương Xích người nước Lỗ cuối thời Xuân thu truyền lại cho hậu thế; tác phẩm được hoàn thành vào thời Hán. Hai truyện *Công Dương* và *Cốc Lương* đều thuộc kim văn, khác với *Tả truyện* thuộc cổ văn. Song, điều khác biệt chủ yếu giữa chúng lại là ở cách hiểu và cách lý giải đối với trước tác *Xuân thu*. Các nhà cổ văn cho rằng *Xuân thu* là một bộ trước tác lịch sử, nên *Tả truyện* chú trọng sự thật lịch sử; các nhà kim văn lại coi *Xuân thu* là trước tác được Khổng Tử viết, nhằm mục đích “Thác cổ cải chế” (Tạm dịch là “Mượn xưa nói nay”). Bởi thế họ ra sức khai thác “Nghĩa lớn lời sâu” ẩn sau những câu chữ (tự lý hàng gian) trong *Xuân thu*, còn đối với sự thực lịch sử thì họ lại viết rất sơ lược. Phàm những điều trong *Xuân thu* không ghi chép, thì hai truyện văn *Công dương* và *Cốc lương* cũng không bổ sung, đề cập. Giới sử học Trung Quốc căn cứ vào đó, coi *Tả truyện* là Sử truyện, hai truyện văn sau là Kinh truyện. Xét từ góc độ sử học, giá trị của *Tả truyện* rõ ràng cao hơn *Công Dương* và *Cốc Lương*; Nhưng từ góc độ Kinh học, thì *Công Dương* và *Cốc Lương* hơn hẳn *Tả truyện*.

Xuân thu vốn là sách sử, sau này, cùng với địa vị của Nho gia ngày càng được nâng cao, Khổng Tử bị thần thánh hóa, thì *Xuân thu* dần dần trở thành trước tác quan trọng của Kinh học. Ba truyện *Tả thị*, *Công Dương*, *Cốc Lương* cũng được xếp vào loại kinh điển. Từ thời Hán, lại có nhiều học giả nối tiếp nhau chú giải ba truyện trên, trong đó, có 3 tác giả với 3 tác phẩm tiêu biểu nhất là: *Xuân thu kinh truyện tập giải* (Chú giải *Tả truyện*) của Đỗ Dự người nước Tấn; *Xuân thu Công Dương truyện giải hồ* (Chú giải Công Dương truyện) của Hà Hưu thời Đông Hán; *Xuân thu Cốc Lương truyện tập giải* (Chú giải Cốc Lương truyện) của Phạm Ninh người nước Tấn. Do được lưu truyền trên diện rộng, trong thời gian dài nên những bản chú *Xuân thu tam truyện* có từ trước thời Hán đều lần lượt bị thất lạc, bởi thế, ba bản chú của họ Đỗ, họ Hà và họ Phạm kể trên đã trở thành những văn bản chú giải, ghi chép về *Xuân thu tam truyện* sớm nhất, còn tồn tại đến nay.

Triều Thanh thay thế triều Minh, đề cao Hán học; sau đó, Nguyễn Nguyên biên soạn *Thập tam kinh chú sớ*, một thời kỳ chú giải *Xuân thu tam truyện* lại được bắt đầu. Một số tác giả, tác phẩm quan trọng ở lĩnh vực này là: *Xuân thu tả truyện hồ* (Khảo cứu *Xuân thu tả truyện*) của Hồng Lượng Cát; *Xuân thu tả truyện cựu chú sớ chứng* (Chú giải những bản *Xuân thu tả truyện cũ*) của Lưu Văn Kỳ; *Công Dương hà thị giải hồ* (Khảo cứu, chú giải *Công Dương truyện* của Hà Hưu) của Lưu Phùng Lộc; *Công Dương nghĩa sớ* (Giải thích ý nghĩa *Công Dương truyện*) của Trần Lập; *Cốc Lương truyện sớ chứng* (Chú giải *Cốc Lương truyện*) của Hầu Khang; *Cốc Lương bổ chú* (Chú giải thêm *Cốc Lương truyện*) của Chung Văn Chung.

DUY ĐẠT biên khảo

Tài liệu tham khảo

1. Trương Hải Bằng chủ biên: *Trung Quốc truyền thống văn hóa luận cương*, An Huy giáo dục xuất bản xã, 1996.
2. Trình Dự Trinh: *Trung Quốc văn hóa yếu lược*, Ngoại ngữ giáo học dữ nghiên cứu xuất bản xã, Bắc Kinh, 1998.

3. Nhiều tác giả: *Trung Quốc văn hóa sử tam bách đề*, Thượng Hải Cổ tịch xuất bản xã, 1989.

4. Tư Mã Thiên: *Sử ký* (Nhữ Thành dịch), Nxb Văn học, Hà Nội, 1988.